

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG THỂ LỰC CỦA SINH VIÊN KHÓA 48 TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

ThS. Trương Thị Tuyết Châu¹; ThS. Nguyễn Trần Đăng Khánh²; ThS. Ngô Phương Thảo³

Tóm tắt: Nghiên cứu đã vận dụng 6 tiêu chí kiểm tra thể lực đã được đề cập trong Đề án tổng thể phát triển thể lực và tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011-2030 và trong Quyết định 53/2008/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đánh giá thực trạng thể lực của sinh viên khóa 48 trường Đại học Y dược Cần Thơ. Kết quả cho thấy số sinh viên đạt chuẩn thể lực ở từng tiêu chí tuy rằng ở mức trung bình, nhưng tỷ lệ sinh viên chưa đạt ở một số tiêu chí còn nhiều (Nam sinh viên có 2 tiêu chí, nữ sinh viên có 5 tiêu chí). Mặt khác số sinh viên đạt chuẩn ở mức tốt và đạt cũng ở trên trung bình một ít (Nam 65%, Nữ 67.9%), trong lúc đó tỷ lệ số sinh viên chưa đạt chuẩn thể lực Chung còn khá cao (Nam 35%, Nữ 32.1%)

Từ khóa: Thể lực, sinh viên, khóa 48, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Summary: The study applied six physical fitness assessment criteria outlined in the Comprehensive Physical Fitness and Health Development Project for the Vietnamese people during the 2011-2030 period and in Decision 53/2008/QĐ-BGD&DT of the Ministry of Education and Training to evaluate the physical fitness status of students in the 48th cohort of the Can Tho University of Medicine and Pharmacy. The results indicated that the number of students meeting the physical fitness standards for each criterion was, on average, moderate. However, there was a significant proportion of students who did not meet the standards for several criteria (male students with 2 criteria, female students with 5 criteria). On the other hand, the percentage of students meeting the standards at a good level and above average was somewhat satisfactory (males 65%, females 67.9%), while the proportion of students not meeting the overall physical fitness standards remained relatively high (males 35%, females 32.1%).

Keywords: Physical fitness, students, 48th cohort, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thể dục thể thao (TDTT) là hoạt động có hiệu quả tích cực trong việc nâng cao sức khỏe của nhân



Ảnh minh họa (nguồn Internet)

dân, góp phần làm phong phú đời sống văn hoá tinh thần, xây dựng lối sống lành mạnh, đẩy lùi tệ nạn xã hội. Bởi vậy, Đảng ta luôn coi phát triển TDTT là một bộ phận quan trọng thuộc chính sách xã hội. Hiện nay, việc đào tạo nguồn nhân lực cao tốt về chuyên môn và đảm bảo về thể chất là nhiệm vụ vô cùng quan trọng tại các trường đại học. Công tác giáo dục thể chất (GDTC) không những góp phần nâng cao sức khỏe cho sinh viên (SV), mà còn giúp các bạn cải thiện các vấn đề sức khỏe tâm thần sau những giờ học tập căng thẳng.

Tại Việt Nam, đã có nhiều nghiên cứu ở các cơ sở giáo dục đại học về xếp loại thể lực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Đặc biệt là đề án phát triển tổng thể về thể lực và tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 – 2030. Hầu hết các nghiên cứu đều cho thấy rằng phần lớn SV không đạt được trình độ thể lực theo yêu cầu. Mặc dù đã được quan tâm và chú trọng hơn, song công tác GDTC tại các trường vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn, chưa nhận được sự quan tâm hứng thú từ các bạn SV. Nhằm đánh giá thực trạng thể lực của SV đang học tập tại trường Đại học Y dược Cần Thơ (ĐHYDCT), làm

Bảng 1. Thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT được khảo sát (n=220)

Tiêu chí đánh giá	Các tham số đặc trưng			
	$\bar{x}$	δ	Cv	ε
Lực bóp tay thuận (kg)	41.5	0.8	1.93	0.00
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.5	0.5	3.03	0.00
Bật xa tại chỗ (cm)	209.5	1.5	0.72	0.00
Chạy 30m XPC (s)	5.45	0.35	6.42	0.01
Chạy con thoi 4*10m (s)	12.18	0.43	3.49	0.00
Chạy 5 phút (m)	1175.5	174.5	14.48	0.02

Bảng 2. Thực trạng thể lực nữ SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT được khảo sát (n=296)

Tiêu chí đánh giá	Các tham số đặc trưng			
	$\bar{x}$	δ	Cv	ε
Lực bóp tay thuận (kg)	25.55	1.25	4.89	0.01
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.5	0.5	3.23	0.00
Bật xa tại chỗ (cm)	166.5	13.5	8.11	0.01
Chạy 30m XPC (s)	5.72	0.02	0.26	0.00
Chạy con thoi 4*10m (s)	13.14	0.06	0.46	0.00
Chạy 5 phút (m)	962.5	87.5	9.09	0.01

cơ sở cho việc xây dựng, lựa chọn các biện pháp phù hợp với lứa tuổi, nhằm nâng cao thể chất của SV. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu ***“Đánh giá thực trạng thể lực của SV khóa 48 trường ĐHYDCT”***.

Trong quá trình nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp: tổng hợp tài liệu, chuyên gia, p kiểm tra sự phạm, toán học thống kê.

Đối tượng nghiên cứu: thể lực của SV 19 tuổi khóa 48 trường ĐHYDCT.

Khách thể nghiên cứu: 516 SV khóa 48 lứa tuổi 19 (220 SV nam, và 296 SV nữ) Trường ĐHYDCT.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng thể lực SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

2.1.1. Thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

Kết quả đánh giá thể lực của đối tượng nghiên cứu được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Thể lực của nam SV khóa 48 là khá đồng đều bởi Cv < 10%, ngoại trừ tiêu chí chạy 5 phút tùy sức (Cv=14.48% > 10%), chứng tỏ ở tiêu chí này có SV làm tốt, có SV làm chưa tốt. Dù vậy giá trị trung bình ($\bar{x}$) ở tất cả các tiêu chí khảo sát của nam SV 19 tuổi khóa 48 vẫn có thể đại diện cho số trung bình tổng thể do $\varepsilon < 0.05$.

2.1.2. Thực trạng thể lực nữ SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Căn cứ vào bảng 2 ta thấy, hệ số biến sai Cv nhỏ nhất là 0.26% ở tiêu chí chạy 30m xuất phát cao và lớn nhất là 9.09% ở tiêu chí chạy 5 phút. Điều đó chứng tỏ số liệu thu thập được là rất tập trung (Cv < 10%). Ngoài ra giá trị $\varepsilon < 0.05$ nên giá trị trung bình ($\bar{x}$) của 6 tiêu chí khảo sát ở nữ SV 19 tuổi khóa 48 đảm bảo độ tin cậy để nghiên cứu.

2.2. Đánh giá thực trạng thể lực SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

Để đánh giá thực trạng thể lực của SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT tác giả tiến hành so sánh kết quả lập test ở từng tiêu chí với kết quả tương ứng của thanh niên 19 tuổi nước ta và SV 19 tuổi Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), cũng như tiến hành đánh giá bằng cách xếp loại thể lực của các em SV theo quyết định 53/2008 của BGD&ĐT, cần thông qua ít nhất 4 nội dung, trong đó có bật xa tại chỗ và chạy 5 phút tùy sức là 2 nội dung bắt buộc và xếp làm 3 loại: tốt, đạt và chưa đạt.

2.2.1. Đánh giá thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: So sánh thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi của Trường ĐHYDCT với nam thanh niên Việt Nam 19 tuổi trên toàn quốc cho thấy trong 6 tiêu chí từ tiêu 1 đến tiêu chí 6, thì có 5 tiêu

chỉ từ tiêu chí 1 đến tiêu chí 5, SV Trường ĐHYDCT đều kém hơn thanh niên Việt Nam trên toàn quốc ($P<0.001$). Riêng tiêu chí chạy 5 phút tùy sức để phát triển sức bền chung thì SV Trường ĐHYDCT hơn hẳn nam thanh niên trên toàn quốc ($P<0.001$). Có lẽ do đặc thù nghề nghiệp về ngành y đòi hỏi các Bác sĩ tương lai phải có sức bền chung tốt mới có đủ thể lực phục vụ bệnh nhân. Nhưng nhìn chung thể lực của nam SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT là kém hơn nam thanh niên Việt Nam cùng trang lứa.

Qua kết quả bảng 4 cho thấy: So sánh thực trạng thể lực nam SV 19 tuổi của Trường ĐHYDCT với nam SV 19 tuổi Trường ĐHCT cho thấy: trong 6 tiêu chí, có 2 tiêu chí lực bóp tay thuận và nằm ngửa gập bụng thì SV ĐHCT hơn hẳn SV ĐHYDCT

($P<0.001$), ngược lại ở tiêu chí bật xa tại chỗ thì SV ĐHYDCT lại hơn hẳn SV ĐHCT ($P<0.001$). Các tiêu chí còn lại thì giữa SV 2 trường cơ bản là tương đồng nhau ($P>0.05$). Như vậy, thể lực của nam SV 2 trường ở lứa tuổi 19 tuy có hơn kém nhau ở tiêu chí này, tiêu chí khác nhưng về đại thể là tương đồng.

2.2.2. Đánh giá đạt chuẩn thể lực của nam SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT theo quyết định 53/2008 của BGD&ĐT

Đánh giá mức độ đạt theo từng tiêu chí. Kết quả trình bày tại bảng 5.

Kết quả ở bảng 5 cho thấy nam SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT có thể lực tốt nhất là ở tiêu chí chạy con thoi 4x10m với 93.6% đạt yêu cầu (59.5% đạt tốt, 34.1% đạt) và chỉ có 6.4% chưa đạt yêu cầu. Tiêu

Bảng 3. So sánh với thể lực nam thanh niên Việt Nam 19 tuổi trên toàn quốc

Tiêu chí đánh giá	Nam ĐHYDCT 19 tuổi (n= 220)		Nam TN toàn quốc 19 tuổi (n=1500)		t	P
	$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ		
Lực bóp tay thuận (kg)	41.5	0.80	44.44	6.12	17.61	<0.001
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.5	0.50	20.00	3.59	35.49	<0.001
Bật xa tại chỗ (cm)	209.5	1.50	218.00	20.70	15.63	<0.001
Chạy 30m XPC (s)	5.45	0.35	4.85	0.49	22.41	<0.001
Chạy con thoi 4x10m (s)	12.18	0.43	10.59	0.94	42.05	<0.001
Chạy 5 phút (m)	1175.5	174.5	954.00	122.0	18.19	<0.001

Bảng 4. So sánh nam SV 19 tuổi Trường ĐHCT

Tiêu chí đánh giá	Nam ĐHYDCT 19 tuổi (n= 220)		Nam ĐHCT 19 tuổi (n=100)		t	P
	$\bar{x}$	δ		δ		
Lực bóp tay thuận (kg)	41.5	0.80	43.01		3.57	<0.001
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	16.5	0.50	17.29		8.52	<0.001
Bật xa tại chỗ (cm)	209.5	1.50	201.99		17.78	<0.001
Chạy 30m XPC (s)	5.45	0.35	5.45		0.07	>0.05
Chạy con thoi 4x10m (s)	12.18	0.43	12.04		1.87	>0.05
Chạy 5 phút (m)	1175.5	174.5	1168.00		0.55	>0.05

Bảng 5. Đánh giá thực trạng đạt chuẩn thể lực theo từng tiêu chí của nam SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT (n=220)

Tiêu chí	Đạt tốt		Đạt		Chưa đạt	
	n	%	n	%	n	%
Lực bóp tay thuận	60	27.3	90	40.9	70	31.3
Nằm ngửa gập bụng	31	14.1	152	69.1	37	16.8
Bật xa tại chỗ	44	20.0	118	53.6	58	26.4
Chạy 30m xuất phát cao	51	23.2	140	63.6	29	13.2
Chạy con thoi 4x10m	131	59.5	75	34.1	14	6.4
Chạy 5 phút	42	19.1	147	66.8	31	14.1

chỉ có thể lực kém nhất là lực bóp tay thuận, trong đó chỉ có 68.7% đạt yêu cầu nhưng lại có đến 31.3% nam SV chưa đạt yêu cầu. Số SV nam chưa đạt yêu cầu cũng phải kể đến ở tiêu chí bật xa tại chỗ với 26.4%

Đánh giá mức độ đạt chuẩn thể lực tổng thể (thể lực chung). Kết quả thể hiện tại bảng 6.

Bảng 6. Đánh giá đạt chuẩn thể lực chung nam SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT theo quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT (n=220)

Xếp loại	Số sinh viên	%
Tốt	26	11.90
Đạt	117	53.10
Chưa đạt	77	35.00

Căn cứ vào bảng 6, có 26 SV nam đạt chuẩn loại tốt chiếm tỷ lệ 11.90%; chứng tỏ rằng số SV nam đạt chuẩn loại tốt là rất khiêm tốn, có 117 SV đạt chuẩn ở mức đạt chiếm tỷ lệ 53.10%; ở mức đạt này số lượng SV đạt được cũng chỉ ở mức trung bình, có 77 SV chưa đạt chuẩn thể lực chiếm tỷ lệ 35.00%; cho thấy rằng số nam SV trường ĐHYDCT chưa đạt chuẩn thể lực chung còn khá cao theo quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT.

2.2.3. Đánh giá thực trạng thể lực nữ SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT

Kết quả thể hiện tại các bảng 7, 8.

Qua bảng 7 cho thấy: Khi so sánh 6 tiêu chí cho thấy: tiêu chí nằm ngửa gập bụng, bật xa tại chỗ, chạy 30m xuất phát cao và chạy 5 phút tùy sức, thì

Bảng 7. So sánh với thể lực nữ thanh niên Việt Nam 19 tuổi trên toàn quốc

Tiêu chí đánh giá	Nữ ĐHYDCT 19 tuổi (n= 296)		Nữ TN toàn quốc 19 tuổi (n=1400)		t	P
	$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ		
Lực bóp tay thuận (kg)	25.55	1.25	29.15	4.91	24.00	<0.001
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.5	0.50	12.00	3.99	31.67	<0.001
Bật xa tại chỗ (cm)	166.5	13.50	159.00	17.10	8.26	<0.001
Chạy 30m XPC (s)	5.72	0.02	6.19	0.61	28.76	<0.001
Chạy con thoi 4x10m (s)	13.14	0.06	12.62	1.09	17.72	<0.001
Chạy 5phút (m)	962.5	87.50	729.00	101.00	40.55	<0.001

Bảng 8. So sánh với thể lực nữ SV 19 tuổi Trường ĐHCT

Tiêu chí đánh giá	Nữ ĐHYDCT 19 tuổi (n= 296)		Nữ SV ĐHCT 19 tuổi (n=100)		t	P
	$\bar{x}$	δ	$\bar{x}$	δ		
Lực bóp tay thuận (kg)	25.55	1.25	26.03	2.04	2.23	<0.05
Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	15.5	0.50	16.04	1.10	4.77	<0.001
Bật xa tại chỗ (cm)	166.5	13.50	177.02	7.13	9.92	<0.001
Chạy 30m XPC (s)	5.72	0.02	5.60	0.37	3.17	<0.001
Chạy con thoi 4x10m (s)	13.14	0.06	12.99	0.75	2.05	<0.05
Chạy 5phút (m)	962.5	87.50	966.50	92.35	-0.38	>0.05

Bảng 9. Đánh giá thực trạng đạt chuẩn thể lực theo từng tiêu chí của nữ SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT (n=296)

Tiêu chí	Đạt tốt		Đạt		Chưa đạt	
	n	%	n	%	n	%
Lực bóp tay thuận	40	13.5	166	56.1	90	30.4
Nằm ngửa gập bụng	33	11.2	231	78.0	32	10.8
Bật xa tại chỗ	45	15.2	184	62.2	67	22.6
Chạy 30m xuất phát cao	41	13.9	181	61.1	74	25.0
Chạy con thoi 4x10m	45	15.2	167	56.4	84	28.4
Chạy 5 phút	34	11.5	186	62.8	76	25.7

nữ SV Trường ĐHYDCT tốt hơn nữ thanh niên Việt Nam trên toàn quốc ($P < 0.001$); Đặc biệt ở tiêu chí chạy 5 phút tùy sức để phát triển sức bền chung thì nữ SV Trường ĐHYDCT hơn hẳn nữ thanh niên trên toàn quốc. Ở 2 tiêu chí còn lại nữ SV Trường ĐHYDCT kém hơn nữ thanh niên Việt Nam trên toàn quốc ($P < 0.001$). Như vậy có thể nói rằng nữ SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT có phần nhỉnh hơn thể lực nữ thanh niên cùng trang lứa trên toàn quốc.

Qua bảng 8 cho thấy: Trong 6 tiêu chí thì nữ SV Trường ĐHYDCT đều kém hơn hẳn thể lực nữ SV cùng trang lứa của Trường ĐHCT ($P < 0.05$ - < 0.001) ngoại trừ tiêu chí chạy 5 phút tùy sức thì nữ SV hai trường là tương đương nhau ($P > 0.05$). Như vậy, về cơ bản có thể khẳng định thể lực của nữ SV 19 tuổi Trường ĐHYDCT kém hơn thể lực của nữ SV cùng trang lứa Trường ĐHCT.

2.2.4. Đánh giá đạt chuẩn thể lực chung của nữ SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT theo theo quyết định 53/2008 của BGD&ĐT

Kết quả ở bảng 9 cho thấy: nữ SV có thể lực đạt cao nhất là ở tiêu chí năm ngựa gấp bụng với 89.2% đạt yêu cầu, trong đó có 11.2% đạt tốt và chỉ có 10,8% chưa đạt. Ở các tiêu chí còn lại số nữ SV chưa đạt yêu cầu còn khá cao (22.6% ở bật xa tại chỗ, đến 30.4% ở lực bóp tay thuận).

Đánh giá mức độ đạt chuẩn thể lực tổng thể (thể lực chung). Kết quả thể hiện tại bảng 10.

Qua bảng 10 cho thấy: có 8 SV nữ đạt chuẩn loại

Bảng 10. Đánh giá đạt chuẩn thể lực chung nữ sinh viên 19 tuổi của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ theo quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT (n=296)

Xếp loại	Số sinh viên	%
Tốt	8	2.70
Đạt	193	65.20
Chưa đạt	95	32.10

tốt chiếm tỷ lệ 2.70%; chứng tỏ rằng số SV nữ đạt chuẩn loại tốt là rất thấp, có 193 SV đạt chuẩn ở mức đạt chiếm tỷ lệ 65.20%; ở mức đạt này số lượng SV đạt được cũng chỉ ở mức trên trung bình một chút, có 95 SV chưa đạt chuẩn thể lực chiếm tỷ lệ 32.10%; cho thấy rằng số nữ SV trường ĐHYDCT chưa đạt chuẩn thể lực còn khá cao theo quyết định 53/2008 của Bộ GD&ĐT.

3. KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu cho thấy: Thực trạng thể lực của SV 19 tuổi cả nam lẫn nữ khóa 48 Trường ĐHYDCT thể hiện ở các tiêu chí khảo sát là phát triển khá đồng đều ($Cv < 10\%$) và có thể đại diện cho thể lực của cùng trang lứa ($E < 0.05$)

Đánh giá thực trạng thể lực của SV 19 tuổi khóa 48 Trường ĐHYDCT:

- So sánh với nam và nữ thanh niên toàn quốc cùng 19 tuổi thì thể lực nam SV có phần kém hơn nhưng nữ SV có phần nhỉnh hơn. So với SV Trường ĐHCT thì thể lực của nam SV về cơ bản là phát triển tương đồng, nhưng nữ SV có phần kém hơn.

- Về mức độ đạt chuẩn thể lực ở từng tiêu chí thì ở cả nam và nữ SV kết quả lập test đều thuộc loại đạt trở lên, nhưng mức chưa đạt còn khá cao: nam có 2 tiêu chí có tỷ lệ là 26.4% và 31.3%, nữ có 5 tiêu chí có tỷ lệ là từ 22.6% đến 30.4%.

- Đánh giá về mức độ đạt chuẩn thể lực tổng thể (thể lực chung) thì cả nam và nữ đa phần đều đạt mức trên trung bình (nam là 65% và nữ là 67.9%), nhưng số SV chưa đạt chuẩn thể lực chung còn khá cao (nam là 35% và nữ là 32.1%)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Quy định về việc đánh giá xếp loại thể lực học sinh SV (Ban hành kèm theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008)

2. Dương nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái (chủ biên) (2003), thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6-20 tuổi (thời điểm 2001), NXB TDTT Hà Nội.

3. Lê Văn Lắm, Phạm Trọng Thanh (2000), Giáo dục thể chất ở một số nước trên thế giới, Nxb TDTT, Hà nội.

4. Lê Văn Lắm, Phạm Xuân Thành (2007), Giáo trình đo lường TDTT, Nxb TDTT, Hà nội.

5. Thạch Bá Thiên (2022) “Nghiên cứu đánh giá thực trạng thể lực SV 19 tuổi khóa 45 trường ĐHCT”, luận văn tốt nghiệp đại học

Nguồn bài báo: Trích từ kết quả nghiên cứu của đề tài “Nghiên cứu tình hình và hiệu quả nâng cao thể lực của sinh viên khóa 48 trường Đại học Y Dược Cần Thơ”, Đại học Y Dược Cần Thơ, 2023.

Ngày nhận bài: 16/6/2023; **Ngày duyệt đăng:** 26/8/2023.